

# Your Words Are Spirit and Life

Lời Ngài Là Thần Khí và Là Sự Sống

Bernadette Farrell

## Lyric

- \* Your words are spirit and life, O Lord:  
richer than gold, stronger than death.  
Your words are spirit and life, O Lord;  
life everlasting.
- 1 God's law is perfect, refreshing the soul,  
reviving the weary spirit.  
God's rule can be trusted:  
bringing us new wisdom,  
bringing God's wisdom to birth.
- 2 God's precepts keep us; their purpose is right.  
They gladden the hearts of people.  
God's command is so clear  
it brings us new vision;  
bringing God's light to our eyes.
- 3 Living by God's truth is holy and sure;  
God's presence is everlasting.  
God's truth is eternal,  
bringing us justice;  
bringing God's justice to earth.
- 4 God's word is precious, desired more than gold;  
worth more than we dare imagine  
and, sweeter than honey,  
this word will feed us,  
bringing fulfillment and joy.

## Lời dịch

- Lạy Chúa, lời Ngài là Thần Khí và là sự sống,  
quý hơn vàng, mạnh hơn sự chết.  
Lạy Chúa, lời Ngài là Thần Khí và là sự sống,  
sự sống vĩnh hằng.
- Luật pháp Chúa hoàn thiện, làm tươi mới linh hồn,  
hồi sinh lại khỏi bầu khí chán nản.  
Luật lệ Chúa đáng tin tưởng,  
cho ta sự khôn ngoan mới,  
cho ta sinh ra trong sự khôn ngoan của Thiên Chúa.
- Giới luật Chúa giữ ta, hướng đến công chính.  
Nó làm vui lòng mọi người.  
Mệnh lệnh Chúa quá rõ ràng  
nó cho ta một tầm nhìn mới  
cho mắt ta thấy ánh sáng của Thiên Chúa
- Sống theo chân lý Chúa thì thánh thiện và chắc chắn.  
Chúa hiện diện mãi mãi.  
Chân lý Chúa tồn tại muôn đời,  
cho ta nền công lý  
cho trái đất nền công lý của Thiên Chúa
- Lời Chúa thì quý báu, đáng khao khát hơn vàng  
đáng quý hơn điều chúng con dám tưởng  
và ngọt ngào hơn mật ong,  
Lời Chúa nuôi sống chúng con,  
cho ta sự viên mãn và niềm vui.

#21 Thánh Ca Dân Chúa and English Missal.  
#21 Thánh Ca Dân Chúa và English Missal.

# Your Words Are Spirit and Life

Lời Ngài Là Thần Khí và Là Sự Sống

Bernadette Farrell

## Composer



This piece was written for the church of St Mellitus in north London, one of the many communities I worked with while serving as Westminster Diocesan Music Advisor. We wanted to strengthen the voice of the assembly in sung prayer and to engage cantors from many cultures and backgrounds. The best place for us to begin was the Liturgy of the Word. We slowly built a repertoire of 'common' psalms for the entire parish,

including chants in different languages.

The setting of Psalm 18 was written to introduce a simple and prayerful 'psalm-tune' (or through-composed psalm) for the Sunday liturgy. Although the refrain was new and the composer sang it unaccompanied, the entire assembly joined in. They related immediately to the truth of the psalm and the atmosphere was electric.

Since then the psalm has been sung in many different settings and accompanied by a variety of instruments. Of course the primary instrument is the human voice. As a cantor it's important to know and pray the psalm before you sing it and to relate it to your life and the life of the community. Prepare the vocals thoroughly so you are not distracted by the notes or the paper. In this way your focus can be entirely on praying the psalm with the assembly. The Living Word does not return from our hearts empty.

*Bernadette Farrell, May 2014*

## BIOGRAPHY

Bernadette Farrell is one of Britain's leading liturgical composers, a former member of the St. Thomas More Group in London, and an acclaimed pastoral musician. Since the 1970s she has been a leader in the renewal of Catholic worship both in the United Kingdom and beyond. Her music is used widely by many different denominations.

Bài hát này được viết cho nhà thờ Thánh Mellitus ở Bắc London, một trong nhiều cộng đoàn mà tôi đã phục vụ với tư cách là Cố vấn Âm nhạc của Giáo phận Westminster. Chúng tôi muốn lời cầu nguyện qua tiếng hát của ban hợp ca sẽ mạnh mẽ hơn và khuyến khích sự phong phú của các giọng linh xướng từ nhiều nền văn hóa và dân tộc. Đây sẽ là điểm tốt nhất cho chúng ta bắt đầu phần Phụng vụ Lời Chúa. Chúng tôi từng bước xây dựng một nguồn cho các thánh vịnh 'chung' dung cho cả giáo xứ, trong đó gồm các bài hát bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Bài Thánh vịnh 18 này được viết để giới thiệu một 'giai điệu-thánh vịnh' đơn giản và sốt sắng cho cầu nguyện (hoặc thánh vịnh được sáng tác) cho phụng vụ Chúa Nhật. Mặc dù đoạn điệp khúc mới mẻ và tác giả đã hát không nhạc đệm, nhưng toàn bộ phần hợp ca đều hòa quyện. Các giai điệu này ngay lập tức liên hệ đến tính chân lý của thánh vịnh và tạo ra không khí hào hứng, sôi động.

Từ đó, bài Thánh vịnh này đã được hát trong nhiều bộ lễ khác nhau và được đệm bằng nhiều loại nhạc cụ đa dạng. Dĩ nhiên nhạc cụ chính yếu nhất vẫn là giọng hát. Với tư cách của một người linh xướng, điều quan trọng là phải biết và cầu nguyện với Thánh vịnh này trước khi bạn hát và liên hệ bài Thánh vịnh với cuộc sống của bạn và đời sống của cộng đồng. Hãy chuẩn bị phần hát thật hoàn hảo thì bạn sẽ không bị phân tâm bởi phần nhạc hoặc lời. Bằng cách này bạn có thể tập trung hoàn toàn vào việc cầu nguyện bằng Thánh vịnh với bản hợp ca này. Lời Hằng Sống sẽ không trở lại từ những tâm hồn trống rỗng của chúng ta.

*Bernadette Farrell, tháng 5-2014*

## TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Bernadette Farrell là một trong những nhà soạn nhạc phụng vụ hàng đầu của Anh, là thành viên sáng lập của Nhóm Thánh Thomas More ở London, và một nhạc sĩ mục vụ nổi tiếng. Từ những năm 1970, bà đã là một người dẫn đầu trong việc canh tân việc phụng vụ của Công giáo cả ở Vương quốc Anh và nước ngoài. Âm nhạc của bà được sử dụng rộng rãi bởi nhiều nhánh giáo phái khác nhau.

### Vocabulary

- **Precept** (danh từ): A writ or warrant: Lệnh/mệnh lệnh

*You have given them the command to observe your **precepts** with care. (Psalm 119 : 4)*

*Vâng lạy Chúa, Ngài đã ban huấn lệnh, truyền chúng con **vâng giữ** vện toàn. (Tv 119,4)*

- **Weary** (tính từ): Feeling or showing extreme tiredness, especially as a result of excessive exertion: Cảm giác hoặc thấy cực kỳ mệt mỏi, đặc biệt là kết quả của nỗ lực quá mức.

*Then he told them a parable about the necessity for them to pray always without becoming **weary**. (Luke 18 : 1)*

*Đức Giêsu kể cho các môn đệ dụ ngôn sau đây, để dạy các ông phải cầu nguyện luôn, không được **nản chí** (Lc 18,1)*

### Usage

Day: Ordinary Time, Common Psalm for Ordinary Time;

Fifteenth Sunday in Ordinary Time, Third Sunday in Ordinary Time

Ngày: Mùa Thường niên, Thánh Vịnh chung cho Thường niên;

Chúa Nhật mười lăm Thường Niên, chủ nhật thứ ba Thường niên

Liturgical: Responsorial Psalm (See Scriptural Index), The Liturgy of the Word, Responsorial Psalm

Phụng vụ: Thánh vịnh đáp ca (Xem Kinh Thánh), Phụng Vụ Lời Chúa, Thánh Vịnh Đáp ca

Ritual: General Use; Rite of Christian Initiation of Adults, Mystagogia

Rite of Entrance into the Order of Catechumens

Nghi lễ: Sử dụng chung; Nghi thức Khai Tâm Kitô Giáo của người lớn, Mystagogia;

Nghi thức tuyển sinh của dự tòng

Scripture: Psalm, 19

Kinh Thánh: Thánh Vịnh 19

Topical: Commandments, Justice, Retreats, Truth, Wisdom, Word

Chuyên đề: điều răn, công lý, tĩnh tâm, sự thật, trí tuệ, Lời Chúa